TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 160/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 655/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1993; Căn cước công dân số: 080193003624 do Cục Trưởng Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 29/11/2022;

Địa chỉ: xã T, tỉnh Tây Ninh;

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1993; Giấy chứng minh nhân dân số: 024957135;

Địa chỉ thường trú: xã T (Ấp 2, xã T huyện B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Nguyễn Thanh T1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Nguyễn Thanh T1 thuận tình ly hôn. (Giấy chứng nhận kết hôn số 22/2013 do Uỷ ban nhân dân xã

T, huyện B (nay là xã T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/01/2013 không còn giá trị pháp lý).

2.2. Về con chung: Giao con chung trẻ Nguyễn Thị Yến P, sinh ngày 23/10/2012 cho bà Nguyễn Thị Cẩm T nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Cẩm T không yêu cầu ông Nguyễn Thanh T1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Thanh T1 có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết có thể xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

2.3. Về tài sản chung: Các đương sự xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Cẩm T tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25P, số 0028234 ngày 20/10/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Cẩm T số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án (10).

THẨM PHÁN



Phạm Thị Tuyết